

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN KỲ SƠN
TỈNH NGHỆ AN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 41/2020/HS-ST
Ngày 14 tháng 5 năm 2020

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KỲ SƠN, TỈNH NGHỆ AN**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Hữu Lộc.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Moong Văn Bình.
Bà Vi Thị Khiếu.

- Thư ký phiên tòa: Ông Già Bá Lầu, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Kỳ Sơn, tỉnh Nghệ An;

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Kỳ Sơn, tỉnh Nghệ An tham gia phiên tòa: Ông Hoàng Anh Tuấn - Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 5 năm 2020 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Kỳ Sơn, tỉnh Nghệ An xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 31/2020/TLST-HS ngày 10 tháng 3 năm 2020 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 54/2020/QĐXXST-HS ngày 27 tháng 4 năm 2020 đối với bị cáo:

Họ và tên: **Lương Văn N**, tên gọi khác: không,

Sinh ngày 17/2/1973 tại xã YN, huyện TD, tỉnh Nghệ An;

Nơi cư trú: bản B, xã YN, huyện TD, tỉnh Nghệ An; N

Nghề nghiệp: trồng trọt; trình độ văn hóa: lớp 02/12; dân tộc: Thái; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lương Văn Đ (đã chết) và bà Lim Thị S (đã chết); có vợ là Lô Thị H và 02 con; tiền án: có 01 tiền án (bản án số 60/2016/HSST ngày 31/5/2016 của Tòa án nhân dân huyện Tương Dương, tỉnh Nghệ An kết án 02 năm 06 tháng tù về tội “Mua bán trái phép chất ma túy”, chấp hành xong bản án phạt tù ngày 09/02/2018, chưa được xóa án tích); tiền sự: không; bị bắt từ ngày 17/12/2019 đến nay, hiện đang tạm giam. (Có mặt).

- Người bào chữa cho bị cáo: Bà Vũ Thị H, Trợ giúp viên pháp lý, Công tác tại Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Nghệ An. (Có mặt).

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án: bà Lô Thị H; Sinh năm 1977; Địa chỉ cư trú: bản B, xã YN, huyện TD, tỉnh Nghệ An. (Vắng mặt).

- Người làm chứng: Anh Vi Văn L; sinh năm 1994; Địa chỉ cư trú: bản K, xã CL, huyện KS, tỉnh Nghệ An; Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng 16 giờ, ngày 17/12/2019, Lương Văn N điều khiển xe máy biển kiểm soát 37D1-050.15 đi từ nhà tại bản B, xã YN, huyện TD, tỉnh Nghệ An đến bản Đ, xã LM, huyện TD, tỉnh Nghệ An để tìm mua ma túy. Khi đến nơi, Lương Văn N gặp một người đàn ông dân tộc Thái tự giới thiệu tên Minh, trú tại bản C, xã HK, huyện KS, tỉnh Nghệ An, Lương Văn N nhờ Minh dẫn đường đi mua ma túy thì được Minh dẫn vào khu vực rừng cách đường 30m. Tại đây, Lương Văn N gặp và mua của một người đàn ông dân tộc Thái không quen biết 01 (một) cục heroine và 03 (ba) viên ma túy tổng hợp với số tiền 6.000.000 (sáu triệu) đồng. Mua được ma túy, Lương Văn N lấy một ít heroine ra sử dụng, số còn lại chia thành 02 (hai) gói rồi bỏ tất cả vào bao potylen màu trắng cất giấu vào túi áo ngực bên trái rồi đi về. Đến khoảng 19 giờ cùng ngày, khi Lương Văn N về đến khu vực bản KT, xã CL, huyện KS, tỉnh Nghệ An thì bị Tổ công tác của Công an huyện Kỳ Sơn bắt quả tang, thu giữ của Lương Văn N 02 (hai) cục chất màu trắng (nghỉ là heroine) và 03 (ba) viên nén màu hồng (nghỉ là methamphetamine) cùng chiếc xe máy nhãn hiệu HONDA, loại xe WAVE, màu đen-bạc, biển kiểm soát 37D1- 050.15 mà Lương Văn N đang sử dụng.

Tại biên bản mở niêm phong, xác định khối lượng, lấy mẫu giám định và niêm phong lại vào hồi 14 giờ 50 phút ngày 18/12/2019 đã xác định: Chất màu trắng (nghỉ là heroine) thu giữ của Lương Văn N có khối lượng 11,35g (Mười một phẩy ba mươi lăm gam); 03 (ba) viên nén màu hồng (nghỉ là methamphetamine) thu giữ của Lương Văn N có khối lượng 0,3g (Không phẩy ba gam). Hội đồng niêm phong đã tiến hành trích 1 (một) gam chất màu trắng (ký hiệu M1) và 0,1 (không phẩy một) gam viên nén màu hồng (ký hiệu M2) để làm mẫu vật gửi giám định.

Kết luận giám định số 29/KL-PC09(Đ2-MT) ngày 23/12/2019 của Phòng kỹ thuật hình sự công an tỉnh Nghệ An đã kết luận: Mẫu chất màu trắng (ký hiệu M1) thu giữ của Lương Văn N gửi tới giám định là ma túy (heroine). Mẫu viên nén màu hồng (ký hiệu M2) thu giữ của Lương Văn N gửi tới giám định là ma túy (methamphetamine).

Cáo trạng số 31/CT-VKS-HS ngày 09/3/2020 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Kỳ Sơn, tỉnh Nghệ An đã truy tố Lương Văn N về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” theo quy định tại điểm n khoản 2 Điều 249 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, bị cáo Lương Văn N đã khai nhận hành vi của mình với các tình tiết như nội dung bản Cáo trạng đã nêu, bị cáo thừa nhận có hành vi tàng trữ trái phép chất ma túy, mục đích tàng trữ chất ma túy là để sử dụng.

Đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa hôm nay vẫn giữ nguyên quyết định truy tố, đề nghị Hội đồng xét áp dụng điểm n khoản 2 Điều 249, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự để xử phạt bị cáo Lương Văn N mức án tù 06 (Sáu) năm đến 07 (Bảy) năm tù về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”, đề nghị miễn hình phạt bổ sung là phạt tiền cho bị cáo và xử lý vật chứng theo quy định.

Người bào chữa đề nghị Hội đồng xét xử xem xét các tình tiết: Bị cáo là người dân tộc thiểu số, trình độ dân trí thấp, thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải để giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan đến vụ án là chị Lô Thị H (vợ của bị cáo) vắng mặt tại phiên tòa, tuy nhiên quá trình điều tra chị trình bày rằng chiếc xe máy nhãn hiệu HONDA, loại xe WAVE, màu đen-bạc, biển kiểm soát 37D1- 050.15 là xe thuộc quyền sở hữu chung của gia đình, việc bị cáo lấy xe để đi mua ma túy chị và các thành viên khác trong gia đình không ai biết, nay gia đình đã được trả lại tài sản nên không có yêu cầu gì thêm.

Bị cáo nói lời sau cùng: Thừa nhận hành vi tàng trữ trái phép chất ma túy là vi phạm pháp luật, bị cáo nhận tội và mong Hội đồng xét xử xem xét, giảm nhẹ một phần hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra, Điều tra viên; của Viện kiểm sát, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng Hình sự. Bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại gì về các hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định của Cơ quan điều tra, Điều tra viên; của Viện kiểm sát, Kiểm sát viên đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về hành vi vi phạm của bị cáo: Lời khai của bị cáo tại phiên tòa cơ bản phù hợp với lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra, phù hợp với các chứng cứ tài liệu khác đã thu thập được trong quá trình điều tra có tại hồ sơ vụ án, phù hợp với nội dung bản cáo trạng đã truy tố nên đủ cơ sở để kết luận: Khoảng 19 giờ, ngày 17/12/2019, tại bản KT, xã CL, huyện KS, tỉnh Nghệ An bị cáo Lương Văn N bị bắt quả tang khi đang có hành vi tàng trữ 11,35g (Mười một phẩy ba mươi lăm gam) ma túy heroine và 0,3g (Không phẩy ba gam) ma túy methamphetamine nhằm mục đích để sử dụng. Căn cứ hướng dẫn tại Điều 4 Chương 2 Nghị định số 19/2018/NĐ-CP ngày 02/02/2018 của Chính phủ thì tổng khối lượng của hai chất ma túy (heroine, methamphetamine) thu giữ của Lương Văn N là: 11,35 gam + 0,3 gam = 11,65 gam

(Mười một phẩy sáu lăm gam), như vậy tổng khối lượng của hai chất ma túy đó của bị cáo tương đương khối lượng ma túy quy định tại điểm g khoản 2 Điều 249 Bộ luật Hình sự nên trong trường hợp này bị cáo Lương Văn N phải chịu trách nhiệm hình sự về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” theo quy định tại điểm n khoản 2 Điều 249 Bộ luật Hình sự.

Điều 249 Bộ luật hình sự quy định:

1. Người nào tàng trữ trái phép chất ma túy, mà không nhằm mục đích mua bán, vận chuyển, sản xuất trái phép chất ma túy thuộc một trong các trường hợp sau đây thì bị phạt tù từ 01 năm đến 05 năm.

2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 05 năm đến 10 năm:

a).....;

n) Có 02 chất ma túy trở lên mà tổng khối lượng của các chất đó tương đương với khối lượng chất ma túy quy định tại một trong các điểm từ điểm a đến điểm g khoản này.

[3] Về tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội, nhân thân người phạm tội và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, thấy rằng: Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm đến chính sách độc quyền quản lý của Nhà nước đối với các chất gây nghiện. Khi phạm tội bị cáo cũng nhận thức ma túy là chất gây nghiện bị Nhà nước nghiêm cấm, ma túy gây tác hại xấu đến đời sống kinh tế - xã hội, sức khỏe con người và là mầm mống phát sinh các tệ nạn xã hội và tội phạm khác, nhưng bị cáo vẫn bất chấp pháp luật để tàng trữ trái phép, hành vi đó đã làm ảnh hưởng đến tình hình an ninh trật tự tại địa phương, gây bức xúc trong quần chúng nhân dân. Bản thân bị cáo đã từng bị kết án về tội “Mua bán trái phép chất ma túy”, chưa được xóa án tích nhưng bị cáo không lấy lần kết án trước làm bài học cho mình để tu dưỡng rèn luyện mà lại tiếp tục phạm tội, điều đó chứng tỏ bị cáo có ý thức coi thường pháp luật, lần phạm tội này bị cáo phải chịu tình tiết tăng nặng “Tái phạm” quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự. Vì vậy để có tác dụng cải tạo, giáo dục riêng bị cáo và răn đe phòng ngừa chung cần tuyên phạt bị cáo mức án nghiêm khắc, tương xứng với hành vi vi phạm mà bị cáo đã gây ra, việc tiếp tục cách ly bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian là cần thiết.

Tuy nhiên, khi quyết định hình phạt, Hội đồng xét xử cũng thấy, trong quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa đã có thái độ thành khẩn khai báo nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Ngoài ra bố đẽ của bị cáo là ông Lương Văn Đoàn có công với cách mạng đã được Nhà nước tặng thưởng Huân chương kháng chiến hạng Nhất nên cần xem xét đó là tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự để thể hiện sự khoan hồng của pháp luật.

[4] Hình phạt bổ sung: Thấy rằng bị cáo là người dân tộc thiểu số, sinh sống ở

vùng sâu, vùng xa, vùng có điều kiện kinh tế đặc biệt khó khăn, thu nhập chủ yếu từ nương rẫy, mục đích tàng trữ chất ma túy là để sử dụng không có tính chất lợi nhuận nên miễn hình phạt tiền là hình phạt bổ sung cho bị cáo.

[5] Đối với đối tượng đã bán ma túy cho bị cáo và người đàn ông tên Minh đã đưa bị cáo đi mua ma túy, quá trình điều tra chưa xác định được danh tính, lai lịch nên chưa có căn cứ để chứng minh, Cơ quan điều tra đang tiếp tục xác minh làm rõ, khi nào có kết quả sẽ được xử lý.

[6] Vật chứng vụ án: Chiếc xe máy nhãn hiệu HONDA, loại xe WAVE, màu đen-bạc, biển kiểm soát 37D1- 050.15 mà Lương Văn N sử dụng làm phương tiện đi mua ma túy, quá trình điều tra xác định đây là tài sản chung của gia đình, việc bị cáo sử dụng xe vào việc phạm tội gia đình không ai biết, gia đình chỉ yêu cầu được nhận lại xe ngoài ra không có yêu cầu gì thêm nên Cơ quan điều tra đã trả lại chiếc xe máy cho đại diện gia đình là chị Lô Thị H (vợ của bị cáo Lương Văn N) là đúng pháp luật.

Số ma túy đã thu giữ của bị cáo sau khi trích mẫu để gửi đi giám định thì số còn lại là (heroine) là vật chứng còn lại là 10,35g (Mười phẩy ba mươi lăm gam) heroine và 0,2g (Không phẩy hai gam) methamphetamine. Đây là vật chứng Nhà nước cấm tàng trữ, lưu hành nên phải tịch thu để tiêu hủy.

[7] Về án phí: Bị cáo là người bị kết án nên phải chịu tiền án phí hình sự sơ thẩm.

[8] Về kháng cáo: Bị cáo, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào điểm n khoản 2 Điều 249, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự, tuyên xử:

- Về tội danh: Tuyên bố bị cáo Lương Văn N phạm tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”.

- Về hình phạt: Xử phạt bị cáo Lương Văn N 07 (Bảy) năm tù, thời gian chấp hành hình phạt tù được tính từ ngày bị cáo bị bắt (ngày 17/12/2019).

- Về xử lý vật chứng: Áp dụng điểm c khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự, điểm a khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng Hình sự: Tịch thu để tiêu hủy 01 (Một) phong bì thư bưu điện được dán kín, ở mép dán có đầy đủ chữ ký của Hội đồng tham gia niêm phong và Lương Văn N, bên trong chứa 10,35g (Mười phẩy ba mươi lăm gam) ma túy heroine và 0,2g (Không phẩy hai gam) ma túy methamphetamine đã thu giữ của bị cáo. Vật chứng đang do Chi cục Thi hành án dân sự huyện Kỳ Sơn quản lý theo biên bản giao nhận vật chứng hồi 14 giờ 45 phút, ngày 09/3/2020.

- Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng Hình sự, điểm a khoản

1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu án phí, lệ phí Tòa án: Buộc bị cáo Lương Văn N phải chịu 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng) tiền án phí hình sự sơ thẩm.

- Về quyền kháng cáo: Áp dụng Điều 331, Điều 333 của Bộ luật Tố tụng Hình sự: Tuyên bố bị cáo có mặt, có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án vắng có quyền kháng cáo bản án đối với phần có liên quan trực tiếp đến quyền lợi và nghĩa vụ của mình trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày được tổng đạt bản án hoặc bản án được niêm yết công khai./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Nghệ An;
- VKSND tỉnh Nghệ An;
- VKSND huyện Kỳ Sơn;
- Công an huyện Kỳ Sơn (Cơ quan điều tra, Cơ quan THA hình sự);
- Trại tạm giam, Công an tỉnh Nghệ An;
- Chi cục THA dân sự huyện Kỳ Sơn;
- Bị cáo; Người có quyền, nghĩa vụ liên quan
- Lưu hồ sơ vụ án, hồ sơ THAHS, VT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Lê Hữu Lộc